

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 133/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định việc phối hợp của Dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;


Căn cứ Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách về bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 144/2002/TTLT-BNNPTNT-BCA-BQP ngày 13 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc phối hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1183/TTr-SNN ngày 15 tháng 5 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. 

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 7 năm 2019 và thay thế Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành;
- Các Tổ chức đoàn thể thành phố;
- UBND quận, huyện, xã, phường;
- Trung tâm THVN tại Đà Nẵng;
- Báo Đà Nẵng; Đài PT-TH Đà Nẵng;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SNN, KTTC.



Huỳnh Đức Thơ

QUY ĐỊNH

Về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2019/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 6 năm 2019 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định một số nội dung liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Các nội dung khác có liên quan đến phòng cháy, chữa cháy rừng không quy định trong văn bản này thì áp dụng theo các quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và các quy trình kỹ thuật, văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài; cộng đồng dân cư thôn, làng, tổ dân phố, tổ dân cư có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng tại thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Phương châm và yêu cầu trong phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Phương châm: Phòng cháy rừng là chính, chữa cháy rừng phải khẩn trương, kịp thời, triệt để và an toàn.

2. Yêu cầu trong phòng cháy, chữa cháy rừng:

a) Hạn chế đến mức thấp nhất và loại bỏ nguồn lửa gây cháy rừng, khả năng bén lửa của vật liệu cháy, dập tắt kịp thời đám cháy khi mới phát sinh; chấm dứt nhanh sự lan tràn của đám cháy, đảm bảo an toàn cho lực lượng và phương tiện chữa cháy rừng.

b) Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phải chỉ đạo thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi địa phương mình.

c) Chủ rừng phải thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; chịu trách nhiệm nếu để rừng do mình quản lý bị cháy.

d) Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm tham mưu cho UBND cùng cấp chỉ đạo, thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy rừng như: ban hành các quy định về đảm bảo an toàn trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi quản lý của cấp mình, hướng dẫn các chủ rừng trong việc phòng cháy, chữa cháy rừng.

đ) Lực lượng Công an, Quân đội các cấp có trách nhiệm phối hợp với lực lượng Kiểm lâm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

e) Cơ quan Kiểm lâm các cấp có trách nhiệm tổ chức dự báo cháy rừng và thông tin kịp thời các cấp dự báo cháy rừng đến UBND cùng cấp nơi có rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong suốt mùa cháy rừng.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 3. Thông tin cấp dự báo cháy rừng

1. Chi cục Kiểm lâm là cơ quan chuyên ngành có trách nhiệm:

a) Theo dõi, xác định và thông tin cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố liên tục hằng ngày trong suốt mùa khô từ tháng 02 đến tháng 9 trong năm trên các phương tiện thông tin đại chúng khi dự báo đến cấp III trở lên.

b) Triển khai, tổ chức các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo từng cấp dự báo theo quy định.

c) Chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm thực hiện thông tin cấp dự báo cháy rừng đến UBND xã, phường, các chủ rừng, các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn rừng ngay sau khi bản tin dự báo cháy rừng được phát hành và có hiệu lực.

2. Cơ quan, đơn vị phát thanh, truyền hình thành phố, quận, huyện phối hợp với Cơ quan Kiểm lâm thành phố và quận, huyện tổ chức thông tin cấp dự báo cháy rừng và biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng kịp thời trên sóng phát thanh, truyền hình thành phố và địa phương khi cấp dự báo cháy rừng đến cấp III trở lên.

Điều 4. Cấp dự báo cháy rừng và biện pháp phòng cháy rừng

Cấp dự báo cháy rừng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, cụ thể như sau:

Cấp dự báo cháy rừng tại thành phố Đà Nẵng gồm 5 cấp, từ cấp I đến cấp V; ký hiệu biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng là 1/2 hình tròn có đường kính vành ngoài 2,5m; vành trong 1,8m, nền trắng, xung quanh viền màu đỏ có mũi tên (quay được) chỉ cấp dự báo từ cấp I đến cấp V.

1. Khi dự báo ở cấp I: Cấp thấp, ít có khả năng cháy rừng, khả năng xảy ra cháy rừng thấp, trên biển báo mũi tên chỉ số I.

Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo về Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo) cấp xã và các chủ rừng phối hợp với lực lượng Kiểm lâm triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; phải tổ chức kiểm tra hướng dẫn khoanh vùng sản xuất nương rẫy, tuyên truyền giáo dục trong cộng đồng dân cư về phòng cháy, chữa cháy rừng và hướng dẫn người dân phát, đốt nương rẫy đúng kỹ thuật.

2. Khi dự báo đến cấp II: Cấp trung bình, khả năng cháy rừng ở mức trung bình, trên biển báo mũi tên chỉ số II.

Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo cấp xã và các chủ rừng tăng cường kiểm tra, đôn đốc, bố trí người canh phòng, lực lượng và phương tiện thường trực sẵn sàng dập tắt lửa khi mới xảy ra cháy rừng, hướng dẫn người dân phát đốt nương rẫy đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Khi dự báo đến cấp III: Cấp cao, thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng và khả năng cháy lan trên diện rộng, trên biển báo mũi tên chỉ số III.

Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo Ban Chỉ đạo cấp huyện, Ban Chỉ đạo cấp xã, chủ rừng, Hạt Kiểm lâm tăng cường đôn đốc các chủ rừng thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, cấm đốt nương rẫy. Các chủ rừng phải thường xuyên canh phòng, nhất là đối với những vùng rừng trọng điểm dễ cháy bao gồm rừng tự nhiên và rừng trồng như: Thông, bạch đàn, keo lá tràm, tre, nứa và các loại rừng dễ cháy khác.

Lực lượng trực phòng cháy, chữa cháy rừng phải trực 10/24 giờ trong ngày (từ 10h đến 20h hàng ngày).


Các chủ rừng phải thường xuyên kiểm tra công tác trực phòng cháy, chữa cháy rừng và các hoạt động có thể gây ra cháy rừng trong lâm phận.

Dự báo viên nắm chắc tình hình khí tượng, thủy văn để dự báo và thông báo kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng về cấp cháy và tình hình cháy rừng ở địa phương.

4. Khi dự báo cháy rừng đến cấp IV: Cấp nguy hiểm, thời tiết hanh khô kéo dài có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lan tràn lửa nhanh. Trên biển báo mũi tên chỉ số IV.

Chủ tịch UBND và Ban Chỉ đạo cấp huyện trực tiếp chỉ đạo các xã, phường về phòng cháy, chữa cháy rừng.

Lực lượng Kiểm lâm và chủ rừng phải kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng rừng trọng điểm cháy ở các huyện, quận, xã, phường.

Lực lượng canh phòng phải thường xuyên trên chòi canh, các vùng rừng trọng điểm cháy bảo đảm 12/24 giờ trong ngày, các giờ cao điểm (từ 9h đến 21h), phát hiện kịp thời điểm cháy, báo động, thông tin kịp thời khi có cháy 

rừng xảy ra để Ban Chỉ đạo cùng cấp huy động lực lượng, phương tiện dập tắt ngay, không được để lửa lan tràn rộng.

5. Khi dự báo đến cấp V: Cấp cực kỳ nguy hiểm, thời tiết khô, hanh, nắng hạn kéo dài, thảm thực vật khô kiệt, nguy cơ cháy rừng rất lớn và lan tràn nhanh trên tất cả các loại rừng.

Chủ tịch UBND thành phố và Ban Chỉ đạo thành phố trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, chủ động và sẵn sàng ứng cứu chữa cháy rừng. Thông tin cảnh báo thường xuyên liên tục, kịp thời cấp dự báo cháy rừng ở vùng rừng trọng điểm dễ cháy. Tăng cường kiểm tra chặt chẽ người và phương tiện vào rừng. Nghiêm cấm tuyệt đối việc đốt lửa trong rừng và ven rừng.

Lực lượng canh phòng trên các chòi canh và các vùng rừng trọng điểm cháy bảo đảm 24/24 giờ trong ngày.

Lực lượng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phối hợp với lực lượng Kiểm lâm tăng cường kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng rừng trọng điểm cháy trong ngày, tăng cường kiểm tra người và phương tiện vào rừng; thông báo thường xuyên nội quy dùng lửa trong rừng và ven rừng.

Khi xảy ra cháy rừng phải huy động lực lượng và phương tiện dập tắt ngay. Tất cả các vụ cháy rừng đều phải lập biên bản và có biện pháp xử lý nghiêm minh.

Trong mùa cháy rừng hàng năm (từ tháng 02 đến hết tháng 9) dự báo viên phải nắm chắc tình hình thời tiết, khí hậu thủy văn để dự báo, thông tin thường xuyên, liên tục hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đặc biệt khi dự báo đến cấp IV và cấp V dự báo viên phải dự báo và đảm bảo thông tin trong suốt thời kỳ cao điểm dễ cháy rừng và báo cáo kịp thời về việc phòng cháy, chữa cháy rừng lên cấp trên.

Điều 5. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

Bảng tra cấp dự báo cháy rừng áp dụng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

THÁNG	CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG TẠI ĐÀ NẴNG				
	I	II	III	IV	V
	THEO CHỈ SỐ H				
2	0 - 3	4 - 11	12 - 23	24 - 41	> 41
3	0 - 2	3 - 10	11 - 25	26 - 39	> 39
4	0 - 2	3 - 9	10 - 20	21 - 38	> 38
5	0 - 2	3 - 8	9 - 12	13 - 26	> 26
6	0 - 2	3 - 7	8 - 11	12 - 19	> 19
7	0 - 2	3 - 6	7 - 10	11 - 18	> 18
8	0 - 3	4 - 5	6 - 9	10 - 17	> 17
9	0 - 3	4 - 11	12 - 23	24 - 41	> 41

THÁNG	CẤP DỰ BÁO CHÁY RỪNG TẠI ĐÀ NẴNG				
	I	II	III	IV	V
	THEO CHỈ SỐ H				
THEO CHỈ SỐ P	0-400	401-3400	3401-7800	7801-14000	> 14000

Trong đó:

a) Chỉ số H là chỉ số ngày khô hạn liên tục không mưa hoặc mưa có lượng mưa dưới 5mm của TS. Phạm Ngọc Hưng.

b) Chỉ số P là chỉ tiêu tổng hợp về khả năng xuất hiện cháy rừng của V.G Nesterop. Chỉ tiêu P được tính theo công thức: $P = k * \sum ti13 * di13$

$P_i = k * ti13 * di13$, trong đó:

- P_i là chỉ tiêu tổng hợp P của ngày thứ i tính theo công thức có ka điều chỉnh khi lượng mưa a ở mức 5mm;

- $k = 0$ khi lượng mưa ngày thứ i (R_i) lớn hơn hoặc bằng 5;

- $k = (5 - R_i) / 5$ khi lượng mưa ngày thứ i lớn hơn 0 và nhỏ hơn 5;

- $ti13$ nhiệt độ không khí lúc 13 giờ ($^{\circ}C$) ngày thứ i;


- $di13$: độ chênh lệch bão hoà độ ẩm không khí lúc 13 giờ (mb) ngày thứ i.

Điều 6. Tổ chức lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng các cấp

1. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng thành phố

a) Chi cục Kiểm lâm (Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng) và Lực lượng Công an thành phố (Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ) là lực lượng chính; Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố; các đơn vị quân đội trung ương đóng chân trên địa bàn thành phố, các lực lượng khác là lực lượng phối hợp tham gia chữa cháy khi có lệnh huy động của cơ quan có thẩm quyền.

b) Khi nhận được tin báo cháy rừng và đề nghị hỗ trợ của Ban Chỉ đạo cấp huyện thì Ban Chỉ đạo thành phố huy động, chỉ đạo lực lượng chính về phòng cháy, chữa cháy rừng thành phố tổ chức triển khai phối hợp với các lực lượng chữa cháy trên địa bàn cơ động nhanh đến hiện trường, ứng cứu chữa cháy kịp thời; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, bắt giữ, điều tra, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

c) Trong trường hợp cháy rừng lớn trên diện rộng vượt quá khả năng kiểm soát của thành phố: Bằng phương tiện thông tin nhanh nhất, Trưởng Ban Chỉ đạo thành phố (hoặc ủy quyền cho Phó Trưởng ban thường trực) báo cáo Ban Chỉ đạo Nhà nước Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đề nghị hỗ trợ tăng cường lực lượng, phương tiện cho địa phương tham gia chữa cháy rừng. 

2. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng cấp huyện

a) Hạt Kiểm lâm cấp huyện, Đội Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ thuộc Công an cấp huyện là lực lượng chính; Công an, Cơ quan Quân sự cấp huyện, các lực lượng khác là lực lượng phối hợp tham gia chữa cháy khi có lệnh huy động của cơ quan có thẩm quyền.

b) Khi nhận được tin báo cháy rừng hoặc đề nghị hỗ trợ của Ban Chỉ đạo cấp xã, Ban Chỉ đạo cấp huyện tham mưu Chủ tịch UBND cấp huyện huy động, chỉ đạo lực lượng chính về phòng cháy, chữa cháy rừng cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai phối hợp với các lực lượng chữa cháy trên địa bàn cơ động nhanh đến hiện trường, ứng cứu chữa cháy kịp thời; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, bắt giữ, điều tra, truy tìm thủ phạm gây cháy rừng.

c) Trong trường hợp cháy rừng lớn trên diện rộng vượt quá khả năng kiểm soát của quận, huyện: Bằng phương tiện thông tin nhanh nhất, Trưởng Ban Chỉ đạo cấp huyện (hoặc ủy quyền cho Phó Trưởng ban thường trực) báo cáo Ban Chỉ đạo thành phố đề nghị hỗ trợ tăng cường lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng.

3. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã

a) Kiểm lâm địa bàn là lực lượng tham mưu giúp Ban Chỉ đạo cấp xã xây dựng phương án, kế hoạch và tổ chức thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn. Lực lượng chính trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã là Kiểm lâm địa bàn, lực lượng Công an cấp xã, lực lượng Dân quân tự vệ, lực lượng hợp đồng bảo vệ rừng và các tổ, đội bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng của thôn, làng, tổ dân phố; các lực lượng khác là lực lượng phối hợp tham gia chữa cháy khi có lệnh huy động của cơ quan có thẩm quyền.

b) Khi nhận được tin báo cháy rừng hoặc đề nghị hỗ trợ chữa cháy rừng của chủ rừng, Ban Chỉ đạo cấp xã có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện chỉ huy, tổ chức điều động lực lượng, phương tiện, dụng cụ tại địa phương tham gia chữa cháy.

c) Trong trường hợp cháy rừng lớn trên diện rộng vượt quá khả năng kiểm soát của xã, phường: Bằng phương tiện thông tin nhanh nhất, Trưởng Ban Chỉ đạo cấp xã báo cho Ban Chỉ đạo cấp huyện (qua cơ quan thường trực) đề nghị hỗ trợ tăng cường lực lượng, phương tiện phối hợp chữa cháy rừng.

4. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng của chủ rừng

a) Tất cả các đơn vị chủ rừng phải thành lập các tổ, đội bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng của đơn vị và bảo đảm kinh phí, trang bị phương tiện và các điều kiện để duy trì hoạt động của tổ, đội phòng cháy, chữa cháy rừng trực thuộc đơn vị quản lý.

b) Khi xảy ra cháy rừng, Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm chỉ huy, tổ chức điều động lực lượng, phương tiện, dụng cụ tại đơn vị tham gia chữa cháy rừng. Trong trường hợp cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát của đơn vị: Bằng phương tiện thông tin nhanh nhất, chủ rừng phải báo cáo và phối hợp với Ban

Chỉ đạo cấp xã tổ chức huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng; đồng thời Ban Chỉ đạo cấp xã báo cáo Ban Chỉ đạo cấp huyện (qua cơ quan thường trực) để theo dõi chỉ đạo.

5. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, đơn vị vũ trang đóng trong rừng hoặc có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong rừng, ven rừng phải phối hợp với nhau để thành lập các đội tình nguyện phòng cháy, chữa cháy rừng và phải có trách nhiệm phối hợp với Ban Chỉ đạo của địa phương và chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ chuyên môn phòng cháy, chữa cháy rừng của Ban Chỉ đạo.

Điều 7. Hệ thống thông tin liên lạc

1. Ban Chỉ đạo các cấp phải duy trì đều đặn, thông suốt hệ thống thông tin (số điện thoại của Trưởng Ban Chỉ đạo, cơ quan thường trực Ban chỉ đạo, thủ trưởng đơn vị) từ Ban Chỉ đạo thành phố đến Ban Chỉ đạo cấp huyện, xã, các Hạt Kiểm lâm, Trạm Kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng, các chủ rừng.

2. Ban Chỉ đạo các cấp phân công, phân nhiệm cụ thể cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tiếp nhận và xử lý thông tin về phòng cháy, chữa cháy rừng ở cấp mình để duy trì thông tin liên hệ và kịp thời xử lý khi có tình huống cháy rừng xảy ra.

Điều 8. Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Hàng năm, lực lượng bảo vệ rừng của cơ sở, các tổ, đội quản chúng phòng cháy, chữa cháy rừng phải được đào tạo, huấn luyện. Tùy theo từng cấp, từng đối tượng để có phương pháp đào tạo, huấn luyện thích hợp. Một số nội dung chính cần thiết trong đào tạo, huấn luyện như sau:


a) Các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

b) Kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy rừng và các ứng dụng công nghệ mới trong phòng cháy, chữa cháy rừng; khắc phục hậu quả của cháy rừng (trong đó có cả nghiệp vụ điều tra, pháp chế).

c) Năng lực chỉ huy, kỹ thuật cứu nạn, cứu hộ trong phòng cháy, chữa cháy rừng.

d) Kỹ năng công tác cộng đồng và tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Cơ quan Kiểm lâm có trách nhiệm tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy rừng chuyên ngành; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và lực lượng bảo vệ rừng của cơ sở.

3. Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an thành phố có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp với cơ quan Kiểm lâm thực hiện những quy định tại Khoản 2 Điều này. 

4. Việc huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy rừng thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 9. Quản lý sản xuất nương rẫy

1. UBND cấp huyện tổ chức quản lý hoạt động sản xuất nương rẫy trên địa bàn; chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Hạt Kiểm lâm, UBND cấp xã tham mưu quy vùng sản xuất nương rẫy cho Nhân dân phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp của thành phố. Chỉ đạo các ngành chức năng hướng dẫn Nhân dân thực hiện đúng khu vực phân vùng, xác định rõ ranh giới, có mốc, bảng niêm yết ngoài thực địa. Hàng năm Hạt Kiểm lâm tăng cường kiểm tra, hướng dẫn Nhân dân sản xuất nương rẫy đúng quy định trên những vùng đất đã được khoanh vùng, không để xảy ra tình trạng phá rừng trái phép làm nương rẫy.

2. Trong những vùng được phép sản xuất nương rẫy, Hạt Kiểm lâm cùng với các đơn vị liên quan, UBND cấp xã hướng dẫn Nhân dân kỹ thuật đốt dọn nương rẫy, đốt xử lý thực bì để trồng rừng, khai thác rừng trồng đúng quy định.

3. UBND cấp xã tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng và phòng cháy và chữa cháy rừng đối với các hộ dân có nương rẫy gần rừng, đặc biệt là rừng trồng. Tuyên truyền cho người dân biết những quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

4. Một số quy định cụ thể trong đốt dọn nương rẫy, xử lý thực bì:

a) Chỉ được đốt dọn trong vùng được phép làm nương rẫy, khi làm rẫy phải phát dọn toàn bộ thực bì, phơi khô và vun thành dải rộng 2-3 m, khoảng cách các dải là 5m - 6 m; dải sát bìa rừng cách xa rừng 6m - 8 m.

b) Khi đốt thực bì phải đốt lúc gió nhẹ, đốt vào chiều tối hoặc sáng sớm (trước 9 giờ 00 buổi sáng và sau 16 giờ 00 buổi chiều), đốt lần lượt từng dải, thứ tự từ trên sườn đồi xuống chân đồi.

c) Trước khi đốt rẫy, xử lý thực bì, người sử dụng lửa phải báo với UBND cấp xã. Chỉ được phép đốt sau khi được sự kiểm tra đảm bảo an toàn trong phòng cháy, chữa cháy rừng và đồng ý cho phép đốt của UBND cấp xã sở tại. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin xin đốt xử lý thực bì của người dân, UBND cấp xã chỉ đạo các bộ phận chức năng tại địa phương tiến hành kiểm tra đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng và trả lời cho người dân. Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với những trường hợp cố ý sử dụng lửa đốt xử lý thực bì, đốt rẫy khi chưa có sự kiểm tra và đồng ý cho phép của UBND cấp xã.

- Khi đốt rẫy phải có người canh gác và chuẩn bị đảm bảo dụng cụ chữa cháy rừng, khoảng 10m - 15m có một người gác trên dải để đề phòng và dập tắt ngay các đám lửa cháy lan, không để lửa cháy lan vào rừng, đốt xong phải kiểm tra toàn bộ nương rẫy, khi lửa tắt hẳn mới ra về.

- Trong điều kiện thời tiết nắng nóng; khô hanh kéo dài, có thông tin dự báo cháy rừng từ cấp III trở lên, chính quyền địa phương không xem xét cho phép dùng lửa đốt xử lý thực bì, đốt nương rẫy.

d) Một số phương pháp xử lý thực bì không sử dụng lửa: Áp dụng ở những nơi địa hình có độ dốc lớn hoặc khi sử dụng lửa có thể gây ra nguy cơ cháy rừng cao:

- Phương pháp xử lý thực bì bằng cách để mục theo băng:

Thực bì sau khi phát để khô rụng hết lá, băm nhỏ dọn thành băng theo đường đồng mức, sao cho không ảnh hưởng đến việc làm đất trên băng trồng cây sau này.

- Phương pháp xử lý thực bì bằng biện pháp băm nhỏ rải đều để mục:

Thực bì sau khi phát dọn để trồng rừng và sản xuất nương rẫy, để khô rụng lá sau đó được băm nhỏ rải đều trên toàn diện tích trồng.

- Phương pháp xử lý bằng biện pháp thu gom:

Thực bì sau khi phát dọn để trồng rừng và sản xuất nương rẫy, để khô rụng hết lá. Cành nhánh sau đó được thu gom thành từng đống vận chuyển đi nơi khác.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 10. Trách nhiệm chữa cháy rừng, tham gia chữa cháy rừng

1. Chữa cháy rừng là trách nhiệm của toàn dân.

2. Chủ rừng, Đội Phòng cháy, chữa cháy rừng nơi gần nhất, các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội, chính quyền địa phương sở tại, cơ quan liên quan có nhiệm vụ chữa cháy, tham gia chữa cháy rừng theo quy định.

a) Lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng khi nhận tin báo cháy trong địa bàn quản lý hoặc nhận lệnh điều động phải lập tức đến chữa cháy; trường hợp nhận thông tin báo cháy ngoài địa bàn quản lý, phải báo ngay cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy rừng nơi xảy ra cháy, đồng thời phải báo cáo cấp trên của mình.

b) Các cơ quan y tế, điện lực, cấp nước và các cơ quan liên quan khi nhận được yêu cầu của người chỉ huy chữa cháy rừng phải nhanh chóng điều động người và phương tiện đến nơi xảy ra cháy để phục vụ chữa cháy rừng.

c) Lực lượng Công an, Dân quân tự vệ có trách nhiệm tổ chức giữ gìn trật tự, bảo vệ khu vực chữa cháy và tham gia chữa cháy rừng.

Điều 11. Phối hợp trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Khi xảy ra cháy rừng, lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ phối hợp với lực lượng Kiểm lâm chủ trì và phối hợp với lực lượng

Quân đội tham mưu cho Ban Chỉ đạo cùng cấp trong việc điều động, sử dụng lực lượng tham gia chữa cháy rừng; tổ chức dập lửa, khắc phục hậu quả sau cháy rừng theo phương án phòng cháy, chữa cháy rừng đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tổ chức kiểm tra, xác minh và điều tra, xử lý các vụ cháy rừng theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng, Ban Chỉ đạo các cấp bằng phương tiện thông tin nhanh nhất phải thường xuyên báo cáo kịp thời tình hình cháy rừng cho Ban Chỉ đạo cấp trên trực tiếp biết để theo dõi chỉ đạo. Trong trường hợp đám cháy vượt quá khả năng cứu chữa của cấp mình phải nhanh chóng báo cáo và đề nghị Ban Chỉ đạo cấp trên hỗ trợ chi viện lực lượng và phương tiện chữa cháy.

3. Ban Chỉ đạo các cấp ngay khi nhận được thông tin, báo cáo đề nghị chi viện chữa cháy rừng của Ban Chỉ đạo cấp dưới, phải kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND cùng cấp huy động lực lượng, phương tiện hỗ trợ địa phương chữa cháy rừng.

4. Các lực lượng chính và lực lượng phối hợp tham gia chữa cháy ngay khi nhận được lệnh huy động của cơ quan có thẩm quyền phải nhanh chóng cơ động đến nơi xảy ra cháy rừng và tích cực phối hợp tham gia chữa cháy rừng.

Điều 12. Nguyên tắc chữa cháy rừng

Thực hiện theo phương châm “bốn tại chỗ” gồm: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ.

1. Người chỉ huy chữa cháy rừng tiếp nhận, xử lý thông tin, kết hợp việc quan sát diễn biến của đám cháy để quyết định truyền đạt mệnh lệnh. Lực lượng chữa cháy tập trung cao độ và thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật, tổ chức để đạt được hiệu quả chữa cháy.

2. Lực lượng và phương tiện chữa cháy được chia thành: Lực lượng, phương tiện thủ công; lực lượng, phương tiện cơ giới.

a) Lực lượng, phương tiện thủ công gồm: Kiểm lâm, Công an, Quân đội, lực lượng bảo vệ rừng của các chủ rừng, tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, dân quân địa phương và các lực lượng huy động khác cùng với dụng cụ thủ công như dao, rựa, cuốc, xẻng, thùng tưới nước, cành cây...

b) Lực lượng, phương tiện cơ giới gồm: Con người với các thiết bị cơ giới như xe chữa cháy, máy bơm, máy thổi gió, cưa xăng, máy ủi, máy cày, hóa chất chữa cháy rừng và các phương tiện khác.

c) Lực lượng chữa cháy được tổ chức thành các tổ, có tổ trưởng và tổ phó. Tổ trưởng phải là người nắm vững kỹ thuật, đặc điểm rừng trong khu vực và là người quyết đoán, nhanh nhẹn, mệnh lệnh dứt khoát, rõ ràng, chính xác.

3. Hậu cần chữa cháy cần chuẩn bị: Phương tiện cơ giới, dụng cụ thủ công và bảo hộ lao động (quần áo, giày, mũ, đèn pin, bình nước cá nhân, thuốc, bông băng cấp cứu...) để phục vụ cho lực lượng chữa cháy tại chỗ và lực lượng được

huy động tại địa phương, đảm bảo cung cấp nước uống và thực phẩm cho lực lượng chữa cháy.

Điều 13. Biện pháp giới hạn đám cháy, chữa cháy rừng

1. Khi xảy ra cháy rừng trong điều kiện thời tiết hạn kiệt, vật liệu trong rừng khô, độ ẩm vật liệu từ 20% trở xuống:

a) Tạo ngay băng trắng đón đầu ngọn lửa theo một cự ly sao cho phù hợp, thi công xong trước khi ngọn lửa tràn đến. Trên băng, phải dọn và vun hết vật liệu cháy vào giữa băng và cho đốt hết vật liệu đó trên băng.

b) Cự ly của hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy quy định như sau:

- Nếu ít gió thì khoảng cách giữa hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy là 20m - 30m;

- Nếu gió to thì khoảng cách giữa hai tuyến dọn sạch vật liệu cháy là 30m - 50m.

2. Trong trường hợp có nguồn vật liệu lớn, chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao, nắng nóng kéo dài, gió thổi mạnh, cả những cây còn sống cũng bị khô héo, khi chữa cháy phải làm đai cản lửa dự phòng để ngăn lửa làm giảm tốc độ lan tràn với hướng gió chính trong thời gian cháy.

3. Một số quy định khi xây dựng đường băng cản lửa:

a) Lợi dụng tối đa các đặc điểm tự nhiên như: Sông, suối, đường phân lô, phân khoảnh, đường giao thông nội bộ, đường vận động...

b) Đối với rừng đặc dụng, rừng cảnh quan không được xây dựng đường băng trắng cản lửa.

c) Đối với rừng trồng có độ dốc trên 25° không được làm đường băng trắng.

d) Đối với rừng trồng có độ dốc dưới 25° chỉ được xây dựng băng trắng trong 1 - 2 năm đầu khi chưa có điều kiện xây dựng các băng xanh cản lửa.

đ) Xây dựng các đai cây xanh phòng cháy xung quanh hoặc dọc theo các đường băng cản lửa.

e) Các đường băng cản lửa phải được khép kín.

4. Một số biện pháp chữa cháy rừng:

a) Khi xảy ra cháy rừng phải huy động tối đa lực lượng, phương tiện và thiết bị, dụng cụ để chữa cháy.

b) Đối với rừng có thể đưa phương tiện cơ giới vào chữa cháy thì phải huy động tối đa phương tiện cơ giới để chữa cháy;

c) Đối với rừng mà phương tiện cơ giới chữa cháy không thể tiếp cận được thì phải huy động tối đa lực lượng và các phương tiện khác để chữa cháy.

d) Tạo đường băng cản lửa, khoanh vùng cô lập đám cháy.

đ) Áp dụng "biện pháp đột trước có kiểm soát" để chữa cháy khi có đủ điều kiện cho phép.

e) Đào kênh, mương, rãnh để chống cháy ngầm và chữa cháy.

g) Các biện pháp chữa cháy khác.

Điều 14. An toàn lao động khi chữa cháy rừng

Khi chữa cháy rừng phải thực hiện đảm bảo an toàn cho lực lượng và phương tiện, thiết bị tham gia chữa cháy; lực lượng chữa cháy phải chuẩn bị đủ nước uống, bông, băng, thuốc bông, cáng và các dụng cụ cấp cứu khác. Trường hợp bị thương phải sơ cứu và đưa đi cấp cứu. Nếu bị thương nặng hoặc tử vong phải lập biên bản để có cơ sở giải quyết chính sách, chế độ.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 15. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Hàng năm trên cơ sở Kế hoạch và dự toán kinh phí của các sở, ban, ngành và địa phương đề nghị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, tổng hợp kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính (đối với nội dung chi thường xuyên), gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển) trước ngày 07 tháng 7 hàng năm để Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào dự toán ngân sách thành phố, báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố phê duyệt theo đúng quy định.

2. Hướng dẫn việc lập và chịu trách nhiệm thẩm định, phê duyệt các đề án, dự án về phòng cháy, chữa cháy rừng theo thẩm quyền.

3. Hướng dẫn, kiểm tra: việc thực hiện các quy định về trách nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong phòng cháy, chữa cháy rừng ở địa phương; việc phối hợp và huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong phòng cháy, chữa cháy rừng.

4. Báo cáo UBND thành phố theo định kỳ và đột xuất về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 16. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 15 Quy định này đảm bảo quy định của pháp luật và khả năng ngân sách của địa phương.

Điều 17. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 15 Quy định này; đồng thời phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu các cơ chế, chính sách về công tác phòng cháy, chữa

cháy rừng; lồng ghép các hạng mục phòng cháy, chữa cháy rừng vào các công trình, dự án để thực hiện đồng bộ, có hiệu quả.

Điều 18. Sở Y tế

Khi nhận được tin báo cháy rừng, Sở Y tế có trách nhiệm bố trí xe cấp cứu và lực lượng y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo y tế tại địa điểm xảy ra cháy rừng.

Điều 19. Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ - Công an thành phố

1. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm, đơn vị Quân đội, UBND các cấp và các đơn vị có liên quan thực hiện biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với hành vi gây cháy rừng; xác định nguyên nhân các vụ cháy rừng theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với lực lượng Kiểm lâm hướng dẫn việc xây dựng, thực tập Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; tham gia thẩm duyệt dự án, thiết kế và Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy; hướng dẫn mua sắm, trang bị các phương tiện chuyên dùng về phòng cháy, chữa cháy rừng; kiểm tra hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng của các chủ rừng; tham gia cứu chữa các vụ cháy rừng và chỉ huy việc chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

3. Phát hiện, tiếp nhận điều tra, xử lý các vụ vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng; định kỳ hoặc đột xuất thông báo với cơ quan Kiểm lâm những thông tin có liên quan trực tiếp đến chức năng quản lý và bảo vệ rừng của cơ quan Kiểm lâm về tình hình tội phạm và kết quả điều tra, xử lý các vụ án.

4. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ điều tra hình sự cho cán bộ Kiểm lâm làm công tác điều tra, xử lý các vụ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.

5. Thực hiện theo quy định tại Mục B, Phần II của Thông tư liên tịch số 144/2002/TTLT-BNNPTNT-BCA-BQP ngày 13 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc phối hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ rừng.

Điều 20. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố

1. Thực hiện theo quy định tại Mục C, Phần II của Thông tư liên tịch số 144/2002/TTLT-BNNPTNT-BCA-BQP ngày 13 tháng 12 năm 2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc phối hợp giữa các lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ rừng.

2. Giáo dục cán bộ, chiến sĩ nắm vững và chấp hành nghiêm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng. Các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, chính quyền địa phương tham gia công tác phòng

cháy, chữa cháy rừng; chấp hành nghiêm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng ở nơi đóng quân.

3. Chỉ đạo các đơn vị đóng quân trong rừng, gần rừng phải có Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, tham gia tuần tra và sẵn sàng ứng cứu khi có trường hợp xảy ra cháy rừng theo lệnh huy động của Ban Chỉ đạo ở nơi đóng quân.

4. Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm kiểm tra, xử lý kịp thời đối với những đơn vị, chiến sĩ vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng.

Điều 21. Chi cục Kiểm lâm

1. Tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và trình UBND thành phố ban hành Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng của chủ rừng.

3. Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, chính quyền các cấp tổ chức thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định.

4. Đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng và các hoạt động liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

5. Tuyên truyền, vận động nhân dân phòng cháy, chữa cháy rừng. Hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng.

6. Thông báo cấp dự báo cháy rừng đến các cơ quan, đơn vị có liên quan khi cấp dự báo cháy rừng từ cấp III trở lên trong các tháng mùa khô trên địa bàn toàn thành phố.

7. Quản lý hoạt động của các đơn vị phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi quản lý của mình; chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng chuyên ngành; lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của chủ rừng và lực lượng bảo vệ rừng ở cơ sở.

Điều 22. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND các huyện, quận

Chủ tịch UBND các huyện, quận có rừng và đất lâm nghiệp theo thẩm quyền và phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo Chủ tịch UBND các xã, phường có rừng và đất lâm nghiệp thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

2. Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp huyện; ban hành Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi và trách nhiệm quản lý của mình.

3. Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo tuyên truyền giáo dục pháp luật, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy rừng cho Nhân dân, xây dựng phong trào quần chúng tham gia hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng.

5. Đầu tư ngân sách cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng; trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy rừng cho chính quyền cấp xã, phường có rừng.

6. Trực tiếp chỉ đạo và huy động lực lượng chữa cháy rừng trên địa bàn.

7. Chỉ đạo tổ chức chữa cháy rừng, điều tra nguyên nhân gây cháy rừng và khắc phục hậu quả vụ cháy rừng.

8. Tổ chức giao ban định kỳ, thống kê, báo cáo Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi địa phương quản lý.

Điều 23. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã, phường

Chủ tịch UBND xã, phường có rừng và đất lâm nghiệp theo thẩm quyền và phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm:

1. Ban hành Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng thuộc phạm vi và trách nhiệm quản lý của mình.

2. Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xã, phường; các tổ, đội bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng ở cơ sở.

3. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chính sách, chế độ của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi địa phương mình.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm quy định phòng cháy, chữa cháy rừng.

5. Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, giáo dục về phòng cháy, chữa cháy rừng một cách thường xuyên, liên tục sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân nơi có rừng về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức quán triệt cho Nhân dân học tập các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ rừng; hướng dẫn Nhân dân thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, huy động các lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng trên địa bàn.

6. Tổ chức giao ban định kỳ, thống kê, báo cáo cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cấp huyện về tình hình phòng cháy, chữa cháy rừng trong phạm vi địa phương quản lý.

Điều 24. Các cơ quan thông tin đại chúng

1. Tổ chức tuyên truyền quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; phổ biến kiến thức về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Phối hợp với UBND, Ban Chỉ đạo các cấp và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về phòng cháy, chữa cháy rừng; chủ động và phối hợp với

Chi cục Kiểm lâm thông báo kịp thời các bản tin cấp dự báo cháy rừng trong suốt các tháng mùa khô.

Chương V

CHÍNH SÁCH VÀ KINH PHÍ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG

Điều 25. Chính sách đối với người tham gia chữa cháy rừng

1. Đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy rừng theo lệnh triệu tập, huy động của người có thẩm quyền hoặc tự nguyện tham gia chữa cháy rừng mà không phải là lực lượng của chủ rừng (bao gồm cả lực lượng Công an, Quân đội, Kiểm lâm, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ...) được bồi dưỡng bằng tiền, cụ thể:

a) Nếu thời gian chữa cháy dưới 02 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,5 đơn giá ngày công lao động lâm sinh.

b) Nếu thời gian chữa cháy từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,75 đơn giá ngày công lao động lâm sinh.

c) Nếu thời gian chữa cháy từ 04 giờ trở lên hoặc chữa cháy nhiều ngày thì cứ 04 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 01 ngày công lao động lâm sinh. Nếu tham gia chữa cháy vào ban đêm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng thì được tính gấp 2 lần theo cách tính trên.

Đơn giá ngày công lao động lâm sinh được tính theo quy định của UBND thành phố tại Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2010 về việc ban hành đơn giá ngày công lao động lâm sinh trên địa bàn thành phố.


2. Người tham gia chữa cháy rừng mà hy sinh, bị thương, bị tổn hại sức khỏe thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. Kinh phí bồi thường thiệt hại được cấp từ ngân sách nhà nước.

3. Phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được huy động để phục vụ chữa cháy rừng được hoàn trả sau khi chữa cháy; trường hợp phương tiện, tài sản bị mất mát, hư hỏng, nhà, công trình bị phá dỡ, diện tích rừng bị chặt hạ thì được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Kinh phí phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng

1. Kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng được quản lý và sử dụng theo quy định pháp luật.

2. Kinh phí bảo đảm các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng của lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn, lực lượng Kiểm lâm, các đơn vị kiêm nhiệm của Quân đội, các chủ rừng là cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước và các địa phương được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Các chủ rừng không thụ hưởng ngân sách nhà nước tự bảo đảm kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định pháp luật. 

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Khen thưởng: Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng hoặc có công phát hiện, ngăn chặn những hành vi phá hoại, khắc phục và hạn chế những thiệt hại do cháy rừng gây ra sẽ được khen thưởng theo quy định.

2. Xử lý vi phạm: Tổ chức, cá nhân nếu vi phạm quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, quận hướng dẫn triển khai, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định này.

2. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy định này, tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Trường hợp những quy định của pháp luật được dẫn chiếu áp dụng trong Quy định này bị điều chỉnh hiệu lực thì áp dụng theo quy định mới đang có hiệu lực.

4. Các địa phương, các ngành liên quan, các chủ rừng nếu để rừng bị cháy do không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong quy định này thì tùy theo mức độ thiệt hại sẽ bị xử lý theo Quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Thọ